

Số: /2026/QĐ-UBND Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 94/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Chăn nuôi được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030 theo quy định tại khoản 5 Điều 53 Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động sản xuất chăn nuôi.

b) Các cơ quan, tổ chức cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mật độ chăn nuôi

Mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030 không vượt quá 1,2 đơn vị vật nuôi/01 ha đất nông nghiệp.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức phổ biến, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quyết định này tại các địa phương; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện các quy định của pháp luật về đất đai, môi trường, tài nguyên nước trong hoạt động chăn nuôi.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo công tác phát triển chăn nuôi bảo đảm mật độ chăn nuôi theo quy định tại Quyết định này, phù hợp với quy

hoạch, kế hoạch phát triển chăn nuôi của tỉnh; xây dựng, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất và các giải pháp liên quan nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển chăn nuôi theo quy định của pháp luật.

2. Các Sở, ban, ngành liên quan trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện quản lý nhà nước trong lĩnh vực chăn nuôi.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Tổ chức phổ biến, tuyên truyền quy định này cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

b) Căn cứ quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về mật độ chăn nuôi để tổ chức quản lý, định hướng, xây dựng kế hoạch chăn nuôi của địa phương.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan, chỉ đạo, định hướng, tổ chức triển khai công tác phát triển chăn nuôi phù hợp với quy hoạch, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của địa phương, đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật và mật độ chăn nuôi quy định tại Điều 2 Quyết định này.

d) Kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến mật độ chăn nuôi theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã, phường.

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh

a) Căn cứ vào định hướng, kế hoạch phát triển chăn nuôi của địa phương để tổ chức sản xuất chăn nuôi đảm bảo đúng quy định tại Quyết định này.

b) Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan về hoạt động chăn nuôi.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 7 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định mật độ chăn nuôi của tỉnh Tuyên Quang.

b) Quyết định số 10/2023/QĐ- UBND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hà Giang đến năm 2030.

3. Bãi bỏ số thứ tự 8 Mục I Phụ lục III và số thứ tự 7 Mục I Phụ lục IV Danh mục Quyết định ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Dân tộc và Tôn giáo; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức CT-XH;
- Như Điều 4;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Cơ sở Dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh (đăng tải);
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KTN. (Toàn)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long